

**ĐẶC SƠN**

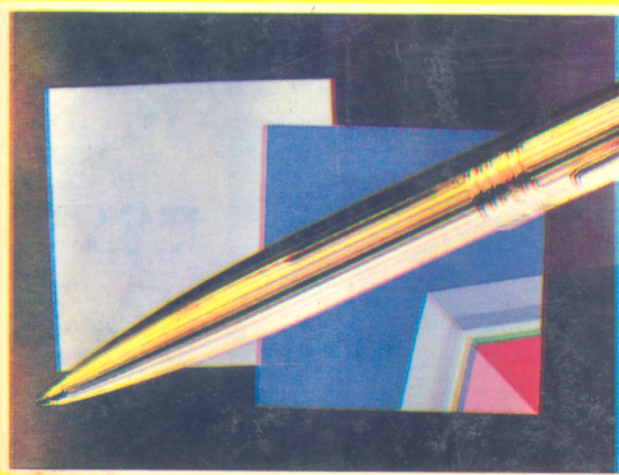
**TIẾNG ANH THỰC HÀNH**

**LUYỆN DỊCH  
TIẾNG ANH**

**&**

**TÌM HIỂU**

**VĂN CHƯƠNG ANH**



**NHÀ XUẤT BẢN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**TIẾNG ANH THỰC HÀNH**  
**LUYỆN DỊCH TIẾNG ANH**  
**VÀ TÌM HIỂU**  
**VĂN CHƯƠNG ANH**

**DẮC SƠN**  
(B.A. George Washington)

**TIẾNG ANH THỰC HÀNH**

**LUYỆN DỊCH TIẾNG ANH  
VÀ TÌM HIỂU  
VĂN CHƯƠNG ANH**



**NHÀ XUẤT BẢN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**- 1991 -**

## LỜI NÓI ĐẦU

Từ trước tới nay, môn dịch vẫn là phần cốt cán trong các kỳ thi ngoại ngữ và công việc dịch thuật hàng ngày của nhiều ngành hoạt động có liên quan đến tiếng Anh. Học sinh muốn học thầy nào, sách nào, phương pháp nào cũng chỉ cốt dịch nổi những bài tiếng Việt ra tiếng Anh và Anh ra Việt khi thi cử và làm ăn.

Do lẽ đó, chúng tôi biên soạn tập **- LUYỆN DỊCH TIẾNG ANH VÀ TÌM HIỂU VĂN CHƯƠNG ANH -** gồm những phần quan trọng của chương trình tiếng Anh hiện hành như sau :

- Phiên dịch và phân dịch (chú trọng hơn về những bài có tính cách văn chương về văn hóa Việt, Anh).
- Đại cương về văn học sử Anh thế kỷ thứ 19 và 20.
- Trích giảng thêm các tác phẩm và báo chí về văn minh Anh.

Về phần phiên dịch chúng tôi tuy có đưa ra một ít bài dịch mẫu với những đề tài theo chương trình kể trên cốt để học sinh nhận định một lối dịch và học được các từ ngữ về các đề tài đó để khi gặp những bài tương tự có thể dùng những từ ngữ và văn phạm đã lĩnh hội được mà tự dịch lấy bài mới, chứ không có ý định ra bài "TỰ". Do đó, chúng tôi chú thích kỹ về từ ngữ thường dùng và văn phạm. Nhớ từ ngữ, biết văn phạm và cách dịch thì gặp bất cứ bài nào cũng

có thể dịch được.

Tuy đã chú thích kỹ cách dùng chữ, nhưng chúng tôi vẫn dành nhiều chi tiết văn phạm và thuật ngữ văn chương (chữ khó dịch mà hay gặp) vào phần «CẨM NANG LUYỆN DỊCH», xếp những điểm văn phạm và chữ khó dịch theo thứ tự A, B, C, với rất nhiều câu mẫu để mỗi khi «Bí» cách dùng chữ và đặt câu, người dịch có thể kiểm theo văn chữ sẽ thấy ngay. Nhưng tiếc rằng nội dung cuốn này đã quá mấy trăm trang, nên buộc lòng phải để in phần cẩm nang ra một cuốn khác, thành ra không thể đi liền vào tập luyện thi này để bổ túc cho các bạn một phương pháp mỗi khi luyện dịch hay tập viết câu văn làm luận.

Sau mỗi bài dịch và mỗi bài học về văn minh và văn học sử đều có những đề luận tương tự để áp dụng. Tác giả không giải bài luận mẫu cốt để các giáo sư có tài liệu tập cho học sinh trong lớp và để các học sinh tự học thêm phải cố gắng làm lấy bài cho mau có tiến bộ chắc chắn. Như vậy cũng để tránh được lối học «tù». Đây là những đề thích dụng với các đề thi. Tác giả khuyên các thí sinh dùng sách này nên lưu ý tới nó. Nếu các bạn không có thì giờ tập viết hết được thì cũng nên xem kỹ và lập sẵn dàn bài, chuẩn bị ý kiến để khi vào thi đã có tài liệu trong óc, khỏi lúng túng uống thì giờ. Chúng ta không học tù, nhưng dù sao mặc lòng, ra trận phải có binh đao thì vào thi cũng phải có sẵn những điều hiểu biết về một số đề tài thông thường quanh quẩn trong lãnh vực thi cử. Có sẵn vốn rồi ta tùy cơ ứng biến thay đổi, thêm bớt cho thích hợp với đề thi. Học như vậy thì việc làm một bài luận thi sẽ không còn thấy khó khăn cho lắm.

Đối với những bạn có sở thích về tiếng Anh, thiết tưởng cuốn sách này không dám nói là hoàn bị vì bề học rộng

mệnh mang, nhưng cũng sẽ giúp các bạn thấu thập được một kiến thức tiếng Anh căn bản về những đề mục phổ thông như: văn hóa (gồm có ở đây văn chương tả tình tả cảnh, văn học sử và văn minh như: giáo dục, dân tộc, nghệ thuật), kinh tế, chính trị, xã hội, v.v.... Nội dung thích hợp với chương trình giáo khoa và lợi ích cho cả việc áp dụng ngoài thực tế. Nếu chỉ học mãi mục văn chương tả tình, tả cảnh như phân đống các bài dịch từ trước, học sinh chỉ quen biết với một ít từ ngữ tình cảm vui tai như: thu về, văn vương, thương nhớ, xao xuyến, mây bay, bướm lượn, trăng lên... Khi ra đời những chữ này ít dùng, còn những từ ngữ dùng đến luôn về các vấn đề phổ thông kể trên từ trước thường ít học. Vậy cuốn sách này vừa luyện thi theo chương trình mới vừa để bổ túc cho có thêm căn bản.

Về phần văn học sử Anh thế kỷ 19 và 20, chúng tôi đã mất nhiều công phu giới thiệu hầu hết các nhà văn có tên tuổi của hai thế kỷ này, theo ý chúng tôi đó là những nhà văn quan trọng.

Còn các bài về văn minh Anh, chúng tôi đã soạn theo một chủ đề tổng quát để học sinh có một nhận định đại cương về nền văn minh và dân tộc Anh. Các bài đều viết bằng những nhận xét tổng hợp và bằng lối văn giản dị thích ứng với học sinh để có thể nhớ dễ mà nói lại. Do đó chúng tôi thấy không cần chú thích và chỉ định cũng đủ giúp học sinh hiểu rõ rồi. Nếu trích các bài lẻ tẻ của các nhà văn, học sinh sẽ khó thích ứng được, vì họ thường viết theo một giọng văn tài tử và thích đầu tả đũa, tuy rất hay nhưng thường chỉ chứa đựng một khía cạnh nào thôi, không có tính cách tổng quát. Có khi trích hàng mấy chục bài mà học sinh vẫn bị đưa thêm vào rừng rậm, không có một ý niệm gọn gàng đầy đủ để trình bày lại trong một lúc ngắn vào vấn

**đáp hay làm luận.**

Còn phân trích giảng những đoạn văn tiêu biểu của các tác giả thuộc chương trình văn học sử, chúng tôi sẽ soạn và dịch giảng đầy đủ vào những cuốn sắp tới. Vừa trích vừa giảng hàng trăm bài của mấy chục tác giả tất cuốn sách sẽ dày hàng ngàn trang. Tuy nhiên, chúng tôi sẽ cố gắng để các học sinh có tài liệu học hỏi càng sớm càng hay.

**TÁC GIẢ**

# **PHẦN I**

## **BÀI TẬP**

### **CHƯƠNG I**

- ▣ NGÔN NGỮ**
- ▣ VĂN CHƯƠNG**
- ▣ NGHỆ THUẬT**



## KNOWLEDGE AND THE UTILITY OF FOREIGN LANGUAGES

Unfortunately an imperfect knowledge of a foreign language is of little use, as it does not give any real freedom of intercourse. Foreigners do not open their minds to one who blunders about their meaning; they consider him to be a sort of child, and address to him «easy things to understand».

Even people of mature and superior intellect, but imperfect linguistic acquirements, are liable to be treated with a kind of condescending indulgence when out of their own country, as if they were as young in years and as feeble in power of thought as they are in their knowledge of foreign languages.

Accordingly, the greatest impediment to free intercourse between nations is neither distance, nor the difference of mental habits, nor the opposition of national interests; it is simply the imperfect manner in which languages are usually acquired, and the lazy contentment of mankind with a low degree of attainment in a foreign tongue, when a much higher degree of attainment would be necessary to any efficient interchange of ideas. It seems probable that much of the future happiness of humanity will depend upon a determination to learn foreign languages more thoroughly.

P. G. HAMERTON

### NOTES

Knowledge : Sự hiểu biết, kiến thức. *A knowledge of language* : sự hiểu biết về ngôn ngữ. *It is beyond my knowledge* : điều ấy ngoài

phạm vi (quá sức) hiểu biết của tôi. *There is no royal road to knowledge* : không có sự hiểu biết nào mà không tốn công phu. *To my knowledge* : theo tôi hiểu, tôi biết. *A thirst for knowledge* : một sự ham muốn hiểu biết. *A thorough, a profound, sound knowledge of literature, of art, of music etc...* : Một sự hiểu biết thấu đáo, sâu xa, chắc chắn, về văn chương, về nghệ thuật, âm nhạc, v.v...

**Utility** : Lợi ích. *marginal utility* : lợi ích bề ngoài không thiết thực, lợi trước mắt. *Public utilities* : những tiện nghi công cộng (như điện, nước, thành phố, thư viện v.v...).

**Unfortunately** : Một cách không may mắn, tiếc rằng.

**Use** : Công dụng, ích dụng. *To be in common, current use* : thông dụng. *It is still in common use* : cái đó hãy còn thông dụng.

**Intercourse** : Giao tiếp, đụng chạm, thông cảm. *Commercial intercourse* : giao thương. *Diplomatic intercourse* : ngoại giao. *To have or to hold intercourse with* : giao dịch với. *They hold an adulterous intercourse* : họ gian dâm với nhau.

**To blunder** : Lầm lẩn, ngộ ngẩn, lỡ mớ. *His statement is full of blunders* : lời nói của nó đầy kẻ khọ, lỗi lầm.

**People of mature** : Người khôn ngoan, già dặn. *To consider maturely* : suy nghĩ chín chắn, nghĩ lung lăm.

**Intellect** : tài trí, tinh khôn. *He is a man of intellect* : chàng là người thông thái, có tài trí.

**Linguistic** : thuộc ngôn ngữ học. *A linguist* : một nhà ngôn ngữ học.

**Acquirement** : Sự thấu lượm, học thức, khả năng. *Linguistic acquirements* : khả năng về ngôn ngữ học. *We all admire his acquirements* : chúng tôi đều khâm phục tài năng của chàng.

**To be liable to** : Phải chịu, chắc là, có lẽ là. *Things are liable to duty* : hàng hóa phải chịu thuế. *Every man is liable to error* : ai cũng phải nhầm. *To be liable for* : Chịu trách nhiệm về, cho. *You*